

**KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

**Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020**

Trong 5 năm 2016-2020, kinh tế - xã hội của huyện có bước phát triển khá, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Tiềm năng, thế mạnh của huyện tiếp tục được phát huy. Nhân dân luôn tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, đồng tình, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền địa phương. Sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ tích cực của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, MBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh... đã tạo thuận lợi cơ bản để huyện thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

Tuy nhiên, 5 năm qua cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta. Trên địa bàn huyện, ngay từ đầu nhiệm kỳ, ảnh hưởng của sự cố môi trường biển, hai trận lũ lớn năm 2016, trận siêu bão năm 2017, dịch tả lợn châu Phi, dịch bệnh toàn cầu Covid-19... đã để lại những hậu quả nặng nề trong sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân. Điểm xuất phát thấp, đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, sản xuất còn nhỏ lẻ, thiếu nguồn vốn đầu tư phát triển.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và Nhân dân toàn huyện đã nỗ lực, phấn đấu với quyết tâm chính trị rất cao, năng động, sáng tạo, hành động quyết liệt, từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI

*** Một số chỉ tiêu chủ yếu ước đạt được giai đoạn 2016-2020**

1. Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt 10,09% (KH: 10-12%);

- Giá trị sản xuất tăng bình quân: Nông - Lâm - Ngư nghiệp đạt 2,52% (KH: 5-7%); Công nghiệp - Xây dựng đạt 13,82% (KH: 13-15%); Thương mại - Dịch vụ đạt 13,48% (KH: 11-13%);

- Cơ cấu kinh tế năm 2020, dự ước: Nông - Lâm - Thủy sản: 25,36% (KH: 27,23%); Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng: 27,97% (KH: 26,11%); Thương mại - Dịch vụ: 46,68% (KH: 46,66%);

Đến năm 2020:

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 81,531 tỷ đồng (không tính các khoản ghi thu, ghi chi, đóng góp xây dựng nông thôn mới) (KH: 95 tỷ đồng, kể cả các khoản ghi thu, ghi chi, đóng góp xây dựng nông thôn mới);

- Duy trì sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt trên 20.000 tấn (KH: 18.000-18.500 tấn);

- Tỷ trọng chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp: 53,09% (KH: trên 50%);

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 38 triệu đồng/người/năm (KH: 38 triệu đồng);

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 08 xã (KH: 06 xã).

2. Về xã hội:

- Giải quyết việc làm hàng năm cho trên 3.200 lao động (KH: 3.000 lao động); trong đó, xuất khẩu lao động trên 450 lao động (KH: 250 - 300 lao động);

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 5,008% (KH: 4 - 5%);

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1% (KH: 1,05%);

Đến năm 2020:

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 79,71% (KH: 75%);

- Số xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 18 xã (chiếm tỷ lệ 94,74%) (KH: 90%);

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 90,50% (KH: trên 90%);

- 85,38% Thôn, bản, tiểu khu được công nhận khu dân cư văn hóa (KH: 70-78%) và 96,49% cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa (KH: 95%);

- 46,65% số người lao động được đào tạo, trong đó đào tạo nghề đạt 33,66% (KH: 33%) .

3. Về môi trường:

Đến năm 2020:

- 95,00% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (KH 90%);
- Trên 80,20% số cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chuẩn về môi trường (KH: trên 70%);
- Diện tích trồng rừng hàng năm 1.000 ha (KH: 600 - 700 ha), duy trì độ che phủ rừng trên 75,00% (KH: 75%).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

*** Kết quả đạt được cụ thể trên các lĩnh vực**

1. Về Kinh tế

a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, do ảnh hưởng bất thường của điều kiện thời tiết, như tình hình lụt bão, hạn hán, xâm nhập mặn..., dịch bệnh trong chăn nuôi, làm ảnh hưởng đến sản xuất dẫn đến tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt thấp. Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân ước đạt 2,52%/năm (KH: 5-7%).

Ngành trồng trọt đã có bước chuyển dịch cơ cấu giống, cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện các vùng sinh thái và địa phương trong huyện, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân ước thực hiện giai đoạn 2016-2020 tăng 1,16%/năm. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được chú trọng, các loại giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất; năng suất các loại cây trồng tăng cao; một số vùng chuyên canh sản xuất ngô, lạc có hiệu quả. Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã, thị trấn một sản phẩm (OCOP), giai đoạn 2018 - 2020, bước đầu đạt kết quả tốt. Đến nay, đã có 3 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh và 5 sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá cấp tỉnh.

Chú trọng nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm, phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại gắn với phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh. Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi bò lai, giai đoạn 2016 - 2020; chất lượng đàn ngày càng được nâng cao, tỷ lệ bò lai đạt trên 71% tổng đàn bò (tăng 26% so với năm 2015), tỷ lệ lợn có máu ngoại trên 98,00%; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp đạt 53,09%. Tổng đàn gia súc năm 2020 ước đạt 48.558/51.000 con (đạt 95,21% kế hoạch). Chăn nuôi gia cầm phát triển

manh với 394.546 con, tăng 134.546 con so với năm 2015. Nghề nuôi ong lấy mật được chú trọng, đến nay toàn huyện có 7.600 đàn; thương hiệu “Mật ong Tuyên Hóa” từng bước khẳng định được chất lượng sản phẩm trên thị trường; hoàn thiện các bước xây dựng thương hiệu “Gà đồi Tuyên Hóa”. Nghề nuôi cá ao hồ, lồng bè tiếp tục duy trì và phát triển; đến nay, toàn huyện có 79,1 ha ao hồ và 415 lồng cá. Sản lượng mật ong, thủy sản hàng năm đều tăng, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Sản xuất lâm nghiệp của huyện tiếp tục chuyển đổi theo hướng lâm nghiệp bền vững, trồng rừng kinh tế phát triển mạnh; công tác khoanh nuôi phục hồi, chăm sóc, bảo vệ rừng được tăng cường và thực hiện có hiệu quả. Hàng năm trồng rừng trên 1.000 ha, khai thác trên 700 ha, giá trị thu được trên 58 tỷ đồng. Công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng được chú trọng; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, buôn bán lâm sản trái phép, lấn chiếm đất rừng trái phép để trồng rừng. Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng 75,00%, đạt chỉ tiêu đề ra.

Xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng: Cấp ủy, chính quyền các cấp đã triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đề ra nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo. Tranh thủ các chương trình, dự án, huy động tốt các nguồn lực xây dựng 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự ước đến cuối năm 2020 có 08 xã đạt chuẩn (KH: 06 xã); đến nay, toàn huyện có 288 tiêu chí đạt chuẩn, bình quân đạt 16 tiêu chí/xã (tăng thêm 107 tiêu chí mới so với năm 2015).

b) Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân tăng 13,82% (KH:13-15%). Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu, như vật liệu xây dựng tăng trưởng ổn định. Ngành nghề nông thôn được chú trọng; phát triển một số ngành nghề mới góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, như: mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, mây tre đan, các dịch vụ cơ khí, sản xuất gia công phục vụ sản xuất và đời sống. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 1.568 tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho hơn 1.690 lao động. Hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng, khai thác cụm điểm tiểu thủ công nghiệp Lưu Thuận, thị trấn Đồng Lê với tổng diện tích 3,1 ha; hiện có 04 dự án đã được phê duyệt với số vốn đăng ký đầu tư 20 tỷ đồng. Cụm điểm tiểu thủ công nghiệp Tiến Hoá đã hoàn thành phê duyệt quy hoạch với tổng diện tích

17 ha và đang tranh thủ kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất.

c) Hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì phát triển khá, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ bình quân giai đoạn 2015 - 2020 tăng 13,48% (KH: 11-13%). Mạng lưới dịch vụ, thương mại được mở rộng. Đến nay, các chợ lớn trung tâm trên địa bàn và các chợ nông thôn đã được đầu tư xây dựng và hoạt động có hiệu quả, các cơ sở kinh doanh cá thể phát triển rộng khắp, toàn huyện có 3.582 cơ sở, tăng 972 cơ sở so với năm 2015. Dịch vụ vận tải phát triển mạnh, số lượng các phương tiện vận tải tăng nhanh; khối lượng hàng hoá vận chuyển bình quân hàng năm tăng 15,00%; vận chuyển hành khách tăng 12,50%.

Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển mạnh, các loại hình dịch vụ khá đầy đủ, đa dạng, rộng khắp trên toàn huyện, chất lượng phục vụ được nâng cao. Đã đầu tư thực hiện 08 dự án ngành điện, với tổng số vốn đầu tư 181 tỷ đồng.

d) Xây dựng, quy hoạch và quản lý quy hoạch được quan tâm đúng mức: Kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng ngày một khang trang, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn đã mang lại diện mạo mới và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Đồng Lê và vùng phụ cận đến năm 2035. Phê duyệt 368 đồ án quy hoạch chi tiết với diện tích 245,51 ha, trong đó quy hoạch chi tiết đất ở 64,98 ha với 1.623 lô. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cho 19/19 xã. Cấp giấy phép xây dựng cho 204 trường hợp xây dựng nhà ở tại thị trấn Đồng Lê và 18 giấy phép xây dựng các công trình khác trên địa bàn huyện. Phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật cho 736 công trình, hạng mục công trình với tổng giá trị đầu tư được phê duyệt 495,6 tỷ đồng.

Tranh thủ có hiệu quả mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng; các tuyến giao thông quan trọng được đầu tư xây dựng, như: Đường Ngọc Lâm - Sào Phong, đường Châu Hóa - Cao Quảng, đường Tân Thủy - Ba Tâm, Cầu Sào Phong, Cầu treo Bản Kè... các tuyến đường liên thôn, liên xã được bê tông hoá trên 125 km; 13/18 xã hoàn thành cứng hoá đường giao thông nông thôn, đạt tỷ lệ 72,22%. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kiến thiết thị chính thị trấn Đồng Lê, như hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng công cộng; sửa chữa, nâng cấp đường nội thị; gắn biển tên đường và số nhà... Tổng các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đến năm 2020 trên 1.000 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 10,09%.

e) Tài chính, tín dụng có bước tăng trưởng khá: Tăng cường công tác khai thác, quản lý tốt nguồn thu trên địa bàn, trong đó tập trung vào các nguồn thu chính chiếm tỷ trọng cao, tạo và nuôi dưỡng nguồn thu ổn định, lâu dài. Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm đạt và vượt dự toán được giao. Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm 4,08%/năm; tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 là 75 tỷ đồng, không tính các khoản ghi thu, ghi chi, đóng góp xây dựng nông thôn mới (KH: 95 tỷ đồng, kể cả các khoản ghi thu, ghi chi, đóng góp xây dựng nông thôn mới).

Chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, đúng quy định. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại thu, chi ngân sách theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư xây dựng cơ bản, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước. Trong phân cấp quản lý ngân sách đã chú trọng tăng quyền chủ động cho các đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý thu, chi ngân sách. Thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng chống tham nhũng. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sử dụng kinh phí của các cơ quan, đơn vị, địa phương thụ hưởng ngân sách. Chi đầu tư phát triển tập trung các công trình trọng điểm của huyện và các dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2016-2020, các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tỷ lệ tăng chi ngân sách bình quân hàng năm 8,74%/năm; tổng chi ngân sách đến năm 2020 ước đạt 756,3 tỷ đồng.

Nhiều chính sách tín dụng, tiền tệ được triển khai thực hiện, hoạt động ngân hàng được đảm bảo an toàn, hiệu quả, đưa nhanh dòng vốn vào sản xuất, kinh doanh, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân để phát triển sản xuất. Trong giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động ngân hàng trên địa bàn huyện tiếp tục tăng trưởng, nguồn vốn huy động bình quân hàng năm đạt 518,6 tỷ đồng, tốc độ tăng 16,80%/năm. Dư nợ cho vay đến cuối năm 2019 là 1.471 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn 0,15%.

f) Các thành phần kinh tế tiếp tục được khuyến khích phát triển và mở rộng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Toàn huyện có 190 doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động, tăng bình quân hàng năm 13,7%. Hàng năm, đã chủ động tổ chức đối thoại với doanh nghiệp trên địa bàn để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh không ngừng được quan

tâm chỉ đạo, trong thực hiện cải cách hành chính, cải tiến phương thức làm việc, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Kinh tế tập thể phát triển nhanh, các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác trong sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều; toàn huyện có 38 hợp tác xã đang hoạt động, tăng bình quân hàng năm 17,45%, nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh, góp phần giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động trên địa bàn. Kinh tế trang trại tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển; toàn huyện có 20 trang trại được cấp giấy chứng nhận, tăng 10 trang trại so với năm 2015.

g) Việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất có nhiều chuyển biến tích cực. Trong sản xuất nông nghiệp đã áp dụng tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh bằng giống keo lai nuôi cấy mô; mô hình máy sấy nguyên liệu mây tre đan tại xã Kim Hoá, Hương Hoá, thị trấn Đồng Lê; mô hình trồng cây có múi sử dụng công nghệ tưới Israel; mô hình trồng hoa, rau trong nhà màng theo tiêu chuẩn Vietgap tại xã Thanh Hóa. Thực hiện các chuỗi giá trị: bò lai, cây ăn quả, cà gai leo, nuôi ong và gà tại các xã. Hoàn thành xây dựng nhãn hiệu độc quyền “Mật ong Tuyên Hóa”, nhãn hiệu “Gà đồi Tuyên Hóa” nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

h) Công tác quản lý tài nguyên, môi trường được tăng cường. Tài nguyên thiên nhiên được quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng. Thực hiện lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Công tác giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đất đai theo hướng hiện đại; đến nay đã bàn giao cơ sở dữ liệu về đất đai cho 11/19 xã, thị trấn quản lý, đang triển khai 07 xã (xã Thanh Hóa chưa thực hiện do chưa phân bổ được nguồn kinh phí). Công tác phát triển quỹ đất được chú trọng, góp phần giải quyết nhu cầu về đất ở của Nhân dân, tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương. Hoàn thành công tác dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất giai đoạn 2018-2020 tại các xã Châu Hóa, Mai Hóa, Tiến Hóa, Văn Hóa, Cao Quảng, Phong Hóa, Kim Hóa và Thanh Hóa, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để từng bước hình thành các cánh đồng mẫu lớn, xây dựng đường nội đồng, bê tông hóa kênh mương, hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Thực hiện tốt công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thi công các công trình; tập trung giải quyết các

tồn đọng, tranh chấp, lấn chiếm về đất đai; quan tâm thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 94,07%.

Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo đảm phát triển bền vững. Tăng cường các giải pháp để bảo vệ môi trường, xây dựng nhiều mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải có hiệu quả; phong trào “Chống rác thải nhựa” và “Ngày toàn dân thu gom rác thải” được Nhân dân hưởng ứng tích cực. Công tác giám sát, kiểm tra bảo vệ môi trường được chú trọng, trên 80,20% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt chuẩn về môi trường (KH: 70%). Nhiều công trình cung cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng, tỷ lệ hộ dân dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95,00% (KH: 90%).

Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu được nâng lên, đã kiện toàn tổ chức Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban chỉ huy phòng thủ dân sự huyện; chú trọng đề ra các giải pháp kỹ thuật trong xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị... có khả năng thích nghi với biến đổi khí hậu, nhất là xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng các biến đổi của khí hậu.

2. Về văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo từng bước phát triển toàn diện, chất lượng giáo dục được nâng lên. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Hệ thống trường lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng đạt chuẩn, đến cuối năm 2020, toàn huyện có 55 trường học được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 79,71% (KH: 75%). Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và dạy học ngày càng phổ biến. Việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp học được quan tâm thực hiện. Hiện có 89,90% giáo viên đạt chuẩn về trình độ, trong đó 32,60% giáo viên đạt trên chuẩn. Duy trì kết quả huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3. Duy trì và nâng cao chất lượng, kết quả xếp loại cộng đồng học tập cấp xã, thị trấn. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát triển khá tốt.

Công tác dạy nghề từng bước đổi mới, gắn kết với nhu cầu thực tế của địa phương, doanh nghiệp và thị trường lao động, đảm bảo người lao động có việc làm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo.

b) Công tác y tế, dân số được quan tâm. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Lĩnh vực y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu về y tế - dân số, vệ sinh an toàn thực phẩm triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước, hoạt động kiểm tra được tăng cường. Đến nay, toàn huyện có 18/19 xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế, chiếm tỷ lệ 94,73% (KH: 90%); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 16,80%, giảm 0,80%/năm, thể thấp còi 26,50%; tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế 90,50% (KH: trên 90%); Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên bình quân hàng năm dưới 19,00%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

Hệ thống y tế dự phòng phát triển đảm bảo năng lực dự báo, giám sát, phát hiện và phòng chống dịch bệnh; đã ngăn chặn và kiểm soát không để các dịch bệnh lớn xảy ra, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi xảy ra trên địa bàn huyện. Tập trung phòng, chống dịch COVID-19 có hiệu quả. Công tác quản lý môi trường, xử lý chất thải y tế trong các cơ sở y tế được quan tâm chỉ đạo. Thường xuyên tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong các dịp lễ, Tết.

c) Lĩnh vực văn hóa - thông tin tiếp tục được chú trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” tiếp tục tác động ngày càng sâu rộng trong mọi hoạt động của xã hội, xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu trên các lĩnh vực, nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được nhân rộng; vai trò của gia đình trong việc giữ gìn, bồi dưỡng các giá trị văn hóa, đạo đức được đề cao; ước đến cuối năm 2020, toàn huyện có trên 18.500 gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 79,10% 85,38% thôn, bản, tiểu khu được công nhận khu dân cư văn hóa (KH: 70-78%); 96,49% cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa (KH: 95%).

Phong trào văn hoá, văn nghệ phát triển mạnh, tạo không khí thi đua sôi nổi trong các tầng lớp Nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao phát triển rộng khắp, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 32,50% tổng số dân toàn huyện. Chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Quan tâm công tác bảo tồn, phát

huy các giá trị di sản văn hóa, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử trên địa bàn huyện, từng bước thu hút, phát triển các hoạt động du lịch trên địa bàn.

Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, chất lượng được nâng lên. Hoàn thành Đề án số hoá truyền hình trên địa bàn huyện, có 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có phương tiện nghe, nhìn. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương được tuyên truyền kịp thời, đúng định hướng; các nhân tố tích cực, điển hình được biểu dương, cổ vũ, góp phần củng cố niềm tin của các tầng lớp Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền.

d) Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giảm nghèo, giải quyết việc làm và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm và đạt kết quả tích cực. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng thu nhập bình quân đầu người, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, trong đó chú trọng sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn để phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 5,008% (KH: giảm 4-5%/năm); đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn 6,73% so với tổng số hộ toàn huyện.

Việc thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, giai đoạn 2016 - 2020 đạt được những kết quả quan trọng. Phát huy được hiệu quả hoạt động, công tác đào tạo nghề, việc tuyển sinh học viên học nghề và mở các lớp đào tạo nghề được thực hiện thường xuyên, liên tục; kết quả trong 5 năm đã tổ chức được 72 lớp với hơn 2.300 học viên tham gia, góp phần đưa tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên toàn huyện đạt 33,66% (KH: 33%). Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 3.200 lao động (KH: 3.000 lao động). Xuất khẩu lao động có bước đột phá rõ rệt, đã trở thành động lực thu hút lực lượng lao động trẻ trong huyện tham gia; 5 năm qua, đã có 2.280 lao động xuất cảnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bình quân hàng năm có trên 450 lao động xuất khẩu (KH: 250 - 300 lao động).

Các chính sách và dự án thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai thực hiện đầy đủ và đạt hiệu quả. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Các chế độ, chính sách BHXH, BHYT được giải quyết kịp thời, đúng định mức, đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo nhanh chóng, chính xác. Số người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT là đối tượng chính sách tăng qua các năm.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thực hiện các chính sách xã hội được duy trì thường xuyên. Thực hiện chi trả kịp thời các chế độ trợ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Chỉ đạo xây dựng, sửa chữa nhà cho 1.548 đối tượng người có công với cách mạng theo Quyết định 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 42,56 tỷ đồng.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo: Các đề án, chính sách dân tộc cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Kịp thời nắm bắt tình hình sinh hoạt, hoạt động tôn giáo ở các cơ sở tôn giáo; chủ động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật liên quan đến tôn giáo cho các đối tượng, do đó tình hình các tôn giáo trên địa bàn huyện ổn định, chức sắc, chức việc, đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và của huyện, gắn bó đồng hành cùng sự phát triển của địa phương.

3. Quốc phòng - An ninh

a) Thế trận quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường. Triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Thường xuyên nêu cao cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên có tỷ lệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng, chất lượng diễn tập chiến đấu phòng thủ xã; tổ chức cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện đạt kết quả tốt, được tỉnh, Quân khu IV đánh giá cao. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, giao quân đủ chỉ tiêu (487/487 chỉ tiêu). Chi trả chế độ cho 5.981 đối tượng, số tiền trên 13,45 tỷ đồng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh Quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết có hiệu quả các vấn đề mới phát sinh về an ninh trật tự. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt kết quả cao, đã phát hiện, điều tra, làm rõ 253/286 vụ phạm pháp hình sự, đạt tỷ lệ 88,46%, trong đó án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đạt 100%. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố và phát triển. Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được

tăng cường. Việc thực hiện Quy chế phối hợp giữa lực lượng công an, quân sự, biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn đạt hiệu quả cao. Thực hiện bố trí 100% công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an tại các xã theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị.

4. Về xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

a) Bộ máy chính quyền được củng cố, kiện toàn và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động. Hoàn thành việc sáp nhập xã Nam Hóa vào xã Thạch Hóa; thực hiện sáp nhập 26 thôn, bản so với đầu nhiệm kỳ; thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ban Quản lý các dự án kinh tế miền núi huyện; thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện trên cơ sở sáp nhập Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y.

Năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều chuyển biến tích cực, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn ở cơ sở. Chú trọng công tác đối thoại với Nhân dân về những lĩnh vực mà Nhân dân quan tâm. Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tăng cường kỷ cương và trách nhiệm hành chính, lề lối và phong cách làm việc, xây dựng văn hóa công sở trong làm việc, giao dịch. Tích cực đổi mới chế độ hội họp, sơ kết, tổng kết và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện kịp thời.

b) Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh. Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện và cấp xã ngày càng được cải thiện và nâng cao. Triển khai hiệu quả một số phần việc thuộc hệ thống chính quyền điện tử, nhất là triển khai tốt các ứng dụng về: phần mềm quản lý văn bản điện tử gắn với chữ ký số; phần mềm một cửa điện tử tại cấp huyện và xã; mở rộng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Hoạt động quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong cơ quan hành chính nhà nước được duy trì và đang thực hiện chuyển sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015, qua đó đã nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc, giảm thiểu các tác động tiêu cực trong thực thi công vụ. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức ngày được nâng cao và chuẩn hóa theo quy

định; năng lực, đạo đức công vụ được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

c) *Triển khai có hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.* Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, hàng năm có kế hoạch thực hiện cụ thể, gắn kết chặt chẽ với nội dung "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*". Tổ chức các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, chất lượng giải quyết đơn, thư ngày càng được nâng lên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm. Công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được các ngành, các cấp triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả. Công tác quản lý Nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính được thực hiện đúng quy định. Chú trọng thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, đảm bảo việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

II. KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm. Việc thâm canh, chuyên canh sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao chưa được chú trọng; sản xuất chưa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại phát triển chưa mạnh. Việc phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc một số xã thực hiện chưa tốt. Công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc, khai thác rừng trồng ở một số nơi còn hạn chế. Việc khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép chưa được ngăn chặn triệt để. Chương trình xây dựng nông thôn mới của một số xã triển khai thiếu quyết liệt; huy động các nguồn lực còn khó khăn.

2. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại, các thành phần kinh tế phát triển chưa mạnh, quy mô còn nhỏ. Ngành nghề ở nông thôn còn ít, năng suất lao động và sức cạnh tranh hàng hoá thấp. Khả năng thu hút các dự án có quy mô lớn trên địa bàn huyện còn ít. Quy mô doanh nghiệp của huyện còn nhỏ, năng lực tài chính và sức cạnh tranh thấp. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế.

3. Việc huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng còn khó khăn, chủ yếu từ ngân sách nhà nước. Tiến độ xây dựng một số công trình còn chậm. Một số chủ đầu tư, nhà thầu năng lực tài chính chưa đảm bảo.

4. Thu ngân sách trên địa bàn chưa vững chắc. Nợ đọng thuế còn lớn. Công tác quản lý, điều hành ngân sách ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị có khi chưa chặt chẽ.

5. Công tác hoàn thành đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở một số xã còn chậm. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý nhà nước về đất đai một số nơi chưa tốt. Việc rà soát để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện chậm so với kế hoạch. Việc khai thác trái phép cát, sỏi lòng sông vẫn còn xảy ra. Hoạt động của các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường chưa được khắc phục triệt để.

6. Chất lượng giáo dục tuy có chuyển biến tích cực song có mặt vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia cao nhưng chất lượng một số tiêu chí còn ở mức tối thiểu. Năng lực của một số cán bộ quản lý, giáo viên có mặt còn hạn chế.

7. Chất lượng chuyên môn, tinh thần, thái độ trong công tác khám, chữa bệnh một số cơ sở y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Công tác xã hội hoá về y tế còn gặp nhiều khó khăn.

8. Đời sống văn hóa, tinh thần của một bộ phận nhân dân chậm được nâng lên. Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển chưa đều; du lịch chưa phát huy được tiềm năng. Công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động dịch vụ văn hoá chưa được thường xuyên.

9. Việc triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo ở một số xã còn chậm. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn một số nghề hiệu quả sau đào tạo chưa cao.

10. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số đơn vị hiệu quả chưa cao. Chất lượng huấn luyện, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu của một số đơn vị dân quân, tự vệ có mặt còn hạn chế.

11. An ninh trật tự trên một số lĩnh vực, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo còn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp, khó lường. Một số loại tội phạm có chiều hướng tăng như tội phạm về ma túy, trộm cắp tài sản, vận chuyển hàng cấm. Việc mua bán, sử dụng và đốt pháo trong các dịp tết nguyên đán vẫn xảy ra. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở một số nơi chưa mạnh.

12. Việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của UBND huyện và các xã, thị trấn trên một số lĩnh vực kết quả đạt được chưa cao. Một số cán bộ, công chức, viên chức tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc thực hiện tinh giản biên chế chưa đạt chỉ tiêu theo đúng lộ trình của UBND tỉnh giao.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

a) Nguyên nhân khách quan

Đạt được những kết quả trên đây, trước hết là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, tạo cơ sở củng cố sự thống nhất về tư tưởng, hành động của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong Nhân dân. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, hiệu quả của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp, giúp đỡ tích cực của các ban, ngành cấp tỉnh; sự quan tâm của Trung ương, của tỉnh đầu tư các chương trình, dự án thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Sự ổn định và phát triển năng động của tỉnh, của vùng đã góp phần tạo ra môi trường thuận lợi, là động lực cho huyện khai thác và phát huy có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Huyện đã kịp thời lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để ban hành các đề án, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện bằng các giải pháp đồng bộ, có hiệu quả. Nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ và tích cực hưởng ứng thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, tích cực thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

2. Nguyên nhân khuyết điểm, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan: Do điều kiện của huyện miền núi, địa hình phức tạp, kết cấu hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ; điểm xuất phát về kinh tế của huyện thấp; nguồn vốn đầu tư phát triển hạn chế, huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, phần lớn vẫn là ngân sách nhà nước; kêu gọi đầu tư, xây dựng các lĩnh vực được quy hoạch còn diễn ra chậm; đời sống của một bộ phận Nhân dân còn nhiều khó khăn; thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; các loại dịch bệnh diễn biến phức tạp. Hệ thống các văn bản, quy định mới được ban hành và nhiều quy định, văn bản thường xuyên thay đổi nên có những khó khăn trong việc áp dụng, triển khai thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan: Một số chương trình, đề án, kế hoạch trọng điểm triển khai chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao. Trong chỉ đạo, điều hành có mặt còn lúng túng, thiếu các giải pháp đồng bộ. Chưa tranh thủ tốt các nguồn lực phục vụ đầu tư phát triển; tư duy đổi mới, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của một số cán bộ, đảng viên chưa cao, chưa linh hoạt. Trách nhiệm người đứng đầu ở một số địa phương, ngành, lĩnh vực chưa được phát huy. Chất lượng, hiệu quả công tác của một số cán bộ, công chức chậm được nâng lên. Tư tưởng sản xuất nhỏ, bảo thủ, trì trệ, trông chờ ỷ lại trong một bộ phận Nhân dân chậm được khắc phục. Chất lượng nguồn nhân lực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thị trường lao động.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Thứ nhất, quán triệt, nắm vững và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước vào điều kiện thực tiễn của địa phương bằng các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện phù hợp, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải năng động, sáng tạo, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tranh thủ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của Trung ương, các sở, ban, ngành cấp tỉnh. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm để bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

Thứ hai, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính. Chú trọng việc huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; trong đó xác định phát huy nội lực có ý nghĩa quyết định để đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và người dân đầu tư phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh. Xác định và tập trung cao cho những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, khâu khó, việc yếu; xác định và thực hiện quyết liệt những khâu đột phá gắn với xử lý dứt điểm các vấn đề còn bất cập, nổi lên.

Thứ ba, phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh; thường xuyên nắm chắc tình hình, tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề nảy sinh ngay từ cơ sở, nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Mở rộng và phát

huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; tạo bầu không khí dân chủ và sự đồng thuận cao trong xã hội, tạo nên sức mạnh tổng hợp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Phần thứ hai **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;
- Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;
- Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong 5 năm 2016-2020 và những tiềm năng, lợi thế, khả năng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện trong thời gian tới.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tuyên Hóa lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của HĐND huyện Tuyên Hóa về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Bước vào giai đoạn 2021-2025 huyện Tuyên Hóa có những thuận lợi cơ bản: Những thành tựu trong 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước và đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục được hoàn thiện; chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ngày càng phát huy hiệu quả trong đời sống xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng trên địa bàn, đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện, cùng với những tiềm năng, thế mạnh của địa phương đang ngày càng được phát huy sẽ có thêm điều kiện để huyện đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Những kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự ổn định về chính trị - xã hội là những tiền đề quan trọng để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Bên cạnh những thuận lợi, giai đoạn tới dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, đó là: tình hình thế giới và khu vực, tình hình Biển Đông tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường; những thách thức về biến đổi khí hậu và môi

trường, các loại dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 sẽ ảnh hưởng nhất định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025

1. Quan điểm phát triển

Phát huy tối đa vai trò của nhân tố con người với vai trò chủ thể, là nguồn lực và là mục tiêu của phát triển bền vững; đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân.

Kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu tổng quát

Huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng thế mạnh của huyện; đẩy mạnh thực hiện các đột phá, đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật; phát triển nông nghiệp toàn diện theo chiều sâu; xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển và tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tạo động lực phấn đấu xây dựng huyện Tuyên Hóa phát triển bền vững.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm: 11 - 12%;
- Giá trị sản xuất đến năm 2025:
 - + Nông - Lâm - Thủy sản: 650 tỷ đồng;
 - + Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng: 1.190 tỷ đồng;
 - + Thương mại - Dịch vụ: 1.985 tỷ đồng;

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đến năm 2025: 305 tỷ đồng;
- Sản lượng lương thực bình quân hàng năm 18.000 tấn;

Đến năm 2025:

- Thu ngân sách trên địa bàn: 100 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 62 triệu đồng/người/năm;
- Có 13/18 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 72,22% .

b) Các chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 1,5 - 2%;
- Giải quyết việc làm hàng năm cho 3.200 - 3.500 lao động; trong đó, xuất khẩu lao động từ 400 - 450 lao động;

Đến năm 2025:

- Có 92,00% dân số tham gia BHYT;
- Phân đấu 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,00%; trong đó đào tạo nghề đạt 38,00%;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 85,00% tổng số trường học thuộc huyện quản lý;
- Tỷ lệ khu dân cư văn hóa: 80 - 85,00%; đơn vị văn hóa: 97,00%.

c) Chỉ tiêu về môi trường

Đến năm 2025:

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh 98,00%, trong đó tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch 65,00%.
- Duy trì độ che phủ rừng trên 75,00%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải: 80,00%.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

a) Phát triển nông nghiệp hàng hóa, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững, xây dựng sản phẩm thương hiệu đặc trưng của địa phương gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng nông thôn mới.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sạch, đảm bảo môi trường, sinh thái và phát triển bền vững; nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực; phát triển mạnh những sản phẩm có lợi thế của huyện, từng bước xây dựng sản phẩm OCOP. Có chính sách hỗ trợ sản xuất cho nông dân. Cơ cấu lại quy mô, hình thức tổ chức sản xuất; khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; phát triển các loại hình kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, gia trại, tăng thu nhập, từng bước nâng cao đời sống của người dân nông thôn, góp phần giảm nghèo bền vững. Phân đấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đến năm 2025 đạt 650 tỷ đồng.

Thực hiện tốt công tác dồn điền, đổi thửa, ổn định diện tích đất trồng lúa chủ động nước tưới, tích cực sử dụng các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao có thời gian sinh trưởng ngắn ngày vào sản xuất; duy trì tổng sản lượng lương thực hàng năm trên 18.000 tấn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng; rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất ngành trồng trọt cho phù hợp với điều kiện đất đai, địa hình và biến đổi khí hậu; phát huy lợi thế từng vùng và nhu cầu thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp. Nâng cao chất lượng vùng chuyên canh các loại cây trồng có lợi thế của địa phương; phát triển một số thương hiệu nông sản hàng hóa; xây dựng các mô hình liên kết trong sản xuất; có cơ chế thu hút xây dựng các nhà máy xử lý, chế biến nông sản.

Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung với quy mô lớn, xem đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp; duy trì, phát triển tốt diện tích trồng cỏ, chuyển đổi diện tích đất trồng các loại cây kém hiệu quả sang trồng cỏ để phát triển chăn nuôi. Tập trung nâng cao chất lượng đàn, từng bước áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, an toàn dịch bệnh; khuyến khích chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò lai, thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân đầu tư chăn nuôi, từng bước hình thành các vùng chăn nuôi bò lai tập trung; phân đấu giá trị ngành chăn nuôi đến năm 2025 đạt 305 tỷ đồng; tỷ lệ bò lai chiếm trên 80,00% tổng đàn. Tiếp tục phát triển nghề nuôi ong lấy mật và mở rộng sản phẩm hàng hóa từ mật ong; phát triển mạnh đàn gia cầm, nhất là các giống gà địa phương để phát huy hiệu quả thương hiệu “Gà đồi Tuyên Hoá”. Quy hoạch, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản ở những vùng ruộng trũng; duy trì nghề nuôi cá lồng trên sông, chú trọng nuôi các loại cá có giá trị kinh tế cao. Nâng cao hiệu quả, giá trị ngành chăn nuôi, đưa tỷ trọng chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 trên 55,00%.

Tiếp tục chỉ đạo phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, bảo vệ môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng, tập trung chỉ đạo trồng rừng gỗ lớn; nghiên cứu để đưa các loại giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao vào trồng rừng, như các loại cây lấy gỗ, cây bản địa, cây dược liệu... Gắn trồng rừng với chế biến lâm sản, hạn chế việc bán sản phẩm thô, nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Chuyển đổi diện tích cây cao su kém hiệu quả sang trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu có hiệu quả hơn. Tăng cường các biện pháp để ngăn chặn triệt để việc chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác buôn bán gỗ trái pháp luật, thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy rừng. Duy trì diện tích khai thác và trồng lại rừng hàng năm trên 1000 ha; độ che phủ rừng trên 75,00%.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục tuyên truyền, thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Cùng cố nâng cao chất lượng hệ thống quản lý, thực hiện; tăng cường chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tạo sự chuyển biến về xã hội - cảnh quan môi trường nông thôn. Huy động tốt các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phấn đấu đến năm 2025 có 72,22% xã (13/18 xã) đạt chuẩn nông thôn mới. Chú trọng nâng cao chất lượng, bảo đảm tính bền vững các tiêu chí nông thôn mới đạt được ở từng xã; hướng đến xây dựng một số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Đẩy mạnh phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, chế biến gỗ rừng trồng, thức ăn gia súc... Chú trọng phát triển, đầu tư chiều sâu những sản phẩm có thị trường tiêu thụ và thu hút nhiều lao động. Hình thành một số sản phẩm có tính chất chủ lực, xây dựng thương hiệu hàng hóa, mở rộng thị trường. Khai thác có hiệu quả cụm điểm tiểu thủ công nghiệp Lưu Thuận - thị trấn Đồng Lê và xã Tiến Hoá. Tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh; tích cực thu hút mời gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Phấn đấu giá trị sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng đến năm 2025 đạt 1.190 tỷ đồng.

c) Tập trung mọi nguồn lực phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh các loại hình thương mại, dịch vụ với hình thức và quy mô phù hợp, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ cung ứng phục vụ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp và chế biến, thương mại, nhà hàng, vận tải, bưu chính, viễn thông; từng bước xây dựng và khai thác có hiệu quả các điểm du lịch trên địa bàn. Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ, như: Xây dựng mới chợ Đồng Lê, một số trung tâm thương mại, siêu thị và phát huy hiệu quả hệ thống chợ trên địa bàn đáp ứng nhu cầu của thị trường, mạng lưới bán buôn và bán lẻ để thu mua nông sản, cung cấp vật tư sản xuất, hàng tiêu dùng cho Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2025: giá trị sản xuất ngành Thương mại - Dịch vụ đạt 1.985 tỷ đồng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại; kiểm tra, kiểm soát thị trường, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi, sức khỏe người tiêu dùng.

d) Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển

Tranh thủ tối đa và huy động mọi nguồn lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng. Bám sát định hướng trong Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với thực hiện quy hoạch chung đô thị Đồng Lê và vùng phụ cận đến năm 2035 để xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh phát triển dịch vụ, thương mại, công nghiệp và khai thác lợi thế tuyến hành lang xuyên Á qua Cửa khẩu Quốc tế Cha Lo. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ các chương trình, dự án; các nguồn vốn từ ngân sách cấp trên, ngân sách địa phương và huy động nội lực của Nhân dân, các thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện. Phấn đấu đến năm 2025 toàn huyện có 100% số xã có hệ thống đường giao thông nông thôn đạt tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng xã Tiến Hóa sớm trở thành thị trấn; đồng thời, từng bước xây dựng, chỉnh trang, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Đồng Lê, hệ thống thủy lợi, hồ chứa, kiên cố hóa kênh mương; quan tâm phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa, xã hội, cơ sở vật chất trường học, trạm y tế và các công trình nước sạch trên địa bàn. Phấn đấu đến

năm 2025, huy động trên 1.610 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tăng bình quân hàng năm 10,00%. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát chặt chẽ các công trình đảm bảo tiến độ và chất lượng, không để xảy ra thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

e) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tài chính - tín dụng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tiếp tục cơ cấu lại thu chi ngân sách hợp lý

Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh có hiệu quả để nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu; tăng cường công tác quản lý nguồn thu, chống thất thu. Đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2025 đạt 100 tỷ đồng. Quản lý chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; tăng cường kỷ luật và kỷ cương tài chính. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng; tiếp tục cải cách thủ tục, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng. Thực hiện công khai, minh bạch, quy chế dân chủ cơ sở trong quản lý, điều hành thu, chi ngân sách. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư công; cơ cấu lại đầu tư, tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn; đẩy mạnh huy động các nguồn vốn, cho vay phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng.

f) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế hộ

Tăng cường vai trò của nhà nước trong công tác quy hoạch, kế hoạch, định hướng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư phát triển sản xuất, quan tâm, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp triển khai dự án, xây dựng các cơ sở công nghiệp trên địa bàn; khuyến khích, tạo điều kiện để hình thành, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển

manh kinh tế hộ đối với các ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, hỗ trợ các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp tích tụ đất đai, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế trang trại. Phát triển hợp tác xã, hướng đến việc đáp ứng về xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Tăng cường liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, hộ gia đình trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

g) Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; tăng cường công tác quản lý tài nguyên - môi trường, đảm bảo phát triển bền vững

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình có hiệu quả, nhất là các mô hình sản xuất hàng hóa, dịch vụ và chăn nuôi tiên tiến. Đẩy mạnh việc chuyển giao và đổi mới công nghệ, thực hiện cơ giới hoá để tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chất lượng sản phẩm.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường. Coi trọng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh việc lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất, tập trung xây dựng các dự án phát triển quỹ đất để tăng nguồn thu ngân sách. Hoàn thành việc lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Tiếp tục thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ đất đai tạo môi trường để thu hút đầu tư và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên; tập trung giải quyết những tồn đọng, vướng mắc về đất đai.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, giám sát báo cáo và cam kết bảo vệ môi trường gắn với công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm. Thực hiện tốt việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường của các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn. Có biện pháp ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy

thoái và nâng cao chất lượng môi trường ở các nhà máy, cơ sở sản xuất, đặc biệt tại các đơn vị khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm liên quan đến việc thực hiện các báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, phấn đấu đến năm 2025 trên 85,00% số cơ sở sản xuất trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường. Thực hiện tốt việc bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn khoáng sản, tài nguyên nước có hiệu. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các mô hình thu gom, vận chuyển xử lý rác thải nông thôn, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đạt 80,00%; 98,00% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó dùng nước sạch 65,00%.

2. Về văn hóa - xã hội

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; chăm lo phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm an sinh xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo nhanh và bền vững

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả Giáo dục và Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, ý thức trách nhiệm cho học sinh. Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp gắn với việc đào tạo nguồn nhân lực của địa phương. Nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ giáo viên theo hướng đạt trình độ trên chuẩn, nâng cao năng lực sư phạm và năng lực quản lý; phấn đấu đạt 35,00% trên chuẩn. Quan tâm đổi mới toàn diện nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo mới, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng đào tạo theo hướng đúng thực chất và đạt hiệu quả cao. Quan tâm đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn huyện có 85,00% trường đạt chuẩn Quốc gia. Duy trì kết quả huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu và THCS mức độ 3. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất, từng bước lựa chọn, rèn luyện đội ngũ để xây dựng các trường trọng điểm của huyện. Nâng cao hiệu quả của Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề huyện; tăng cường liên kết, hợp tác đào tạo tại chỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

b) Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; công tác dân số trong tình hình mới. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, y đức cho đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho Nhân dân.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, từng bước triển khai mô hình bác sĩ gia đình, quản lý bệnh không lây nhiễm; chủ động giám sát, phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thẻ bảo hiểm y tế. Nâng cao năng lực quản lý, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; quản lý hành nghề y, dược tư nhân. Duy trì và nâng cao chất lượng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường công tác tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả công tác dân số-KHHGD, chú trọng về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số; thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 24,20%.

c) Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33- NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Phấn đấu xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Hóa phát triển toàn diện, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ; bồi đắp các đức tính tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ đáp ứng và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Phấn đấu đến năm 2025, có 80 - 85,00% thôn, bản, tiểu khu đạt khu dân cư văn hóa; 80,00% hộ gia đình văn hóa; 97,00% cơ quan, đơn vị văn hóa. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa và dịch vụ văn hóa lành mạnh, góp phần đẩy

lùi và ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn; tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao toàn huyện lần thứ IX. Tập trung đầu tư xây dựng các điểm vui chơi cho trẻ em, tranh thủ nguồn vốn để đầu tư xây dựng Nhà thiếu nhi huyện; tôn tạo, xây dựng các Nhà bia tưởng niệm, nghĩa trang liệt sỹ, các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn. Tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, thu hút du khách, phát triển du lịch. Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng, nâng số người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên trên 35,00% so với dân số toàn huyện.

Tăng cường các hoạt động kiểm soát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; quản lý chặt chẽ các hoạt động thông tin, mạng xã hội, đấu tranh hiệu quả với các luận điệu xuyên tạc, văn hóa độc hại trên không gian mạng. Xây dựng và từng bước thực hiện một số cuộc họp trực tuyến với tỉnh và từ huyện đến xã. Nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở, phấn đấu đến năm 2025 có 100% xã có đài truyền thanh cơ sở. Kịp thời đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống; tuyên truyền có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương và các gương điển hình người tốt, việc tốt nhằm cổ vũ, động viên các phong trào thi đua ở cơ sở.

d) Đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đảm bảo giảm nghèo bền vững

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, nhất là lao động nông thôn; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo 70,00%, trong đó, đào tạo nghề đạt 38,00%. Tăng cường quản lý nhà nước về đào tạo nghề; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư nhằm mở rộng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chủ động kết hợp dạy nghề với tập huấn nghề và hỗ trợ nông dân sau học nghề để phát triển sản xuất. Lồng ghép các chương trình nhằm gắn đào tạo nghề với đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân hiểu và tích cực tham gia xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài. Phấn đấu hàng năm xuất khẩu lao động từ 400 đến 450 lao động.

Huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh việc thực hiện chương trình giảm nghèo, xác định đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo giảm nghèo nhanh và bền vững. Chú trọng công tác tuyên truyền việc nâng cao nhận thức, ý chí quyết tâm phấn

đầu thoát nghèo của các hộ nghèo. Tiếp tục lồng ghép các chương trình đầu tư trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, chú trọng chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho người dân; nhất là vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Phát huy hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi, có chính sách, biện pháp thích hợp, hỗ trợ các hộ nghèo, thôn nghèo, xã nghèo vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống người dân một cách vững chắc. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1,5 -2%, giải quyết việc làm hàng năm cho 3.200 - 3.500 lao động.

Đẩy mạnh hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với các đối tượng người có công; quan tâm giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người già cô đơn, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam, đảm bảo ổn định đời sống cho các đối tượng. Thực hiện tốt các chính sách, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Quốc phòng, an ninh

Tăng cường quốc phòng - an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, cụm xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, an toàn làm chủ; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tích cực đấu tranh với các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh; điều chỉnh, hoàn thành xây dựng các hạng mục trong Sở Chỉ huy diễn tập thường xuyên. Xây dựng nhà trực của trung đội dân quân cơ động huyện, đường vào thao trường bắn súng bộ binh cấp huyện, đường vào sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ huyện. Tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ huyện, diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 19/19 xã, thị trấn. Nâng cao chất lượng huấn luyện, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt trên 2,20%; giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp Bộ Công an, Bộ

Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn. Xây dựng lực lượng quân sự, biên phòng, công an địa phương cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt, vững mạnh về chính trị, trong sạch, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, làm tốt vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp; tích cực thực hành tiết kiệm, phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Phát huy tính sáng tạo, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản lý, điều hành của UBND các cấp. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế và xây dựng chính quyền. Đề cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước. Tổ chức đối thoại để giải quyết những vấn đề Nhân dân quan tâm. Phát huy sự giám sát của xã hội, cộng đồng đối với bộ máy nhà nước. Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Rà soát để có phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm số lượng theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ. Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách, quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý biên chế công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của huyện, bộ phận một cửa của các xã, thị trấn theo hướng hiện đại. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Đa dạng hóa các hình thức, chú trọng chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho người dân. Thực hiện có hiệu quả chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, xử lý vi phạm hành chính, đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm minh. Phát huy trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và người đứng đầu trong thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp.

Kiên quyết, kiên trì, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu phải xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, quan trọng, cấp bách. Tăng cường công tác kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, trọng tâm là kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; quy định chặt chẽ việc công khai, minh bạch hóa các hoạt động, lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng như: quản lý ngân sách, đất đai, công tác cán bộ... Điều chuyển, thay đổi cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, uy tín thấp. Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng về kinh tế, “tham nhũng vặt”, cán bộ nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân và doanh nghiệp.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 phải được tổ chức quán triệt và tuyên truyền sâu rộng trong các cấp, các ngành và nhân dân, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia để thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển để xây dựng cụ thể hóa thành các chương trình, dự án để triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, tập trung giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Căn cứ vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của UBND huyện, các phòng ban, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch 5 năm thực hiện của ngành, đơn vị và địa phương mình, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, đề ra kế hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và giải pháp cụ thể hoàn thành các nhiệm vụ hàng năm và cho cả giai đoạn 2021 - 2025.

1. Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch UBND xã, thị trấn tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND huyện và của từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện.

2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng ban, đơn vị và UBND các xã, thị trấn theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo và kiến nghị UBND huyện các giải pháp thiết thực, đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

3. Giao Phòng Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan tổ chức tốt công tác tuyên truyền tạo đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, khi có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động báo cáo đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp) xem xét, quyết định và điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (báo cáo);
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị cấp huyện;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Nam Giang